

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 09 - 02 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
(tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Nguyễn Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay (tín dụng)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 12/TB-MLPT ngày 21 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: NH TMCP XD P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Tầng 16, 23, 24, Tòa nhà Mipec, số 229 TS, phường NTS, quận ĐĐ, thành phố HN; địa chỉ liên hệ: số 1444 THĐ, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quang Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị NH TMCP XD P, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Phó Giám đốc NH TMCP XD P - Chi nhánh Sài Gòn, là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số 77/2020/QĐ-CTHĐQT ngày 20/3/2020 của NH TMCP XD P); vắng mặt.

- Ông Trần Hữu T, ông Nguyễn Chí T1, chức vụ: Chuyên viên xử lý và thu hồi nợ - Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, là người được ủy quyền lại theo giấy ủy quyền ngày 19/5/2021, ngày 18/11/2021 của NH TMCP XD P - Chi nhánh Sài Gòn; ông T, vắng mặt; ông T1, có mặt.

Bí đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980 và bà Huỳnh Thúy L, sinh năm 1983; cùng cư trú: tổ 6, khóm SĐ, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh AG; ông D, bà L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/4/2017, NH TMCP XD P - Chi nhánh Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số 447/0047/17/TN-TH/HĐTD cho ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L vay số tiền 1.260.000.000 đồng; mục đích vay mua 02 xe đầu kéo; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất: 9%/năm, lãi suất thay đổi trong từng thời kỳ, lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi: bằng 150% lãi suất vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phương thức trả nợ gốc: định kỳ vào ngày 26 hàng tháng, nợ lãi trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là ô tô đầu kéo nhãn hiệu International, xe đã qua sử dụng, số khung 3HSDJSJR8DN197183, số máy 125HM2Y4152263, biển số 67C-077.74 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005603 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 và ô tô đầu kéo nhãn hiệu International, xe đã qua sử dụng, số khung 3HSDJSJR3DN277334, số máy 125HM2Y4154621, biển số 67C-078.93 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005607 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 447/0047/17/TN-TH/TCOTO ngày 26/4/2017.

Ông D, bà L đã nhận đủ số tiền 1.260.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số: GNN/447/0047/17/TN-TH ngày 28/4/2017.

Ông D, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 177.530.902 đồng, trong đó nợ gốc 132.596.811 đồng, tiền lãi trong hạn 41.660.661 đồng, tiền lãi quá hạn 3.273.430 đồng. Từ ngày 26/10/2017, ông D, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà L trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông D, bà L không thực hiện, không bàn giao xe ô tô thế chấp để xử lý thu hồi nợ. Ngày 26/10/2017, Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với lãi suất 17,85%/năm và áp dụng từ ngày 26/10/2017 đến nay không thay đổi.

Ngày 19/5/2021, Ngân hàng khởi kiện buộc ông D, bà L trả số tiền 1.829.560.516 đồng, trong đó tiền nợ gốc 1.127.403.189 đồng, nợ lãi 702.157.327 đồng (tạm tính đến ngày 27/4/2021). Đồng thời, tiếp tục tính lãi phát sinh sau ngày 27/4/2021 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín

dụng đã ký cho đến khi ông D, bà L trả hết nợ; trường hợp ông D, bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ, yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 447/0047/17/TN-TH/HĐTD ngày 26/4/2017; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 447/0047/17/TN-TH/TCOTO ngày 26/4/2017; Khế ước nhận nợ số: GNN/447/0047/17/TN-TH ngày 28/4/2017 (tất cả đều là bản sao).

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, bị đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Giữa ông và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng, hiện nay do công việc khó khăn sau dịch bệnh nên ông đề nghị Ngân hàng giảm số tiền lãi phải trả và đồng ý tắt toán số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng, chia làm 05 kỳ thanh toán, mỗi kỳ là 03 tháng.

Bị đơn ông D, bà L đã được Tòa án triệu tập, thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu cụ thể: Buộc ông D, bà L thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 09/02/2023 là 2.140.788.050 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.127.403.189 đồng, nợ lãi 910.351.338 đồng (lãi trong hạn 250.521.010 đồng, lãi quá hạn 659.830.328 đồng), nợ lãi chậm trả lãi (lãi phạt) 103.033.523 đồng.

Từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/02/2023), ông D, bà L phải tiếp tục trả lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 447/0047/17/TN-TH/HĐTD ngày 26/4/2017 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông D, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu International, biển số 67C-077.74 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005603 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 và biển số 67C-078.93 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005607 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 447/0047/17/TN-TH/TCOTO ngày 26/4/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều

70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Chi nhánh Ngân hàng với ông D, bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên. Kể từ ngày 26/10/2017 đến nay, ông D, bà L không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã giao kết và khê ước nhận nợ ngày 28/4/2017, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông D, bà L vẫn không thực hiện đúng cam kết, không bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D, bà L trả số tiền tính đến hết ngày 09/02/2023 là 2.140.788.050 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.127.403.189 đồng, nợ lãi 910.351.338 đồng (lãi trong hạn 250.521.010 đồng, lãi quá hạn 659.830.328 đồng), nợ lãi chậm trả lãi (lãi phạt) 103.033.523 đồng; yêu cầu trả lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ; trường hợp ông D, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã giao kết để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận.

Ông D thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, đề nghị Ngân hàng giảm số tiền lãi phải trả và đồng ý tất toán số tiền 1.500.000.000 đồng, chia làm 05 kỳ thanh toán, mỗi kỳ là 03 tháng của ông D không được đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Bà L vắng mặt và không cung cấp ý kiến trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH TMCP XD P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NH TMCP XD P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc D, bà Huỳnh Thúy L trả nợ vay. Ông D, bà L đang cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên nên yêu cầu kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, ông D, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà L.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông D có 01 lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, các lần sau ông D, bà L đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn; ông D, bà L không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có ý kiến về tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp là tự từ bỏ quyền chứng minh và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 447/0047/17/TN-TH/HĐTD ngày 26/4/2017 giữa NH TMCP XD P với ông Nguyễn Ngọc D, bà Huỳnh Thúy L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Hợp đồng tín dụng số 447/0047/17/TN-TH/HĐTD ngày 26/4/2017, ông D, bà L được Ngân hàng giải ngân số tiền 1.260.000.000 đồng thông qua khế ước nhận nợ số: GNN/447/0047/17/TN-TH ngày 28/4/2017. Sau khi vay cho đến ngày 08/08/2019, ông D, bà L đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 132.596.811 đồng, lãi trong hạn 63.931.302 đồng, lãi quá hạn 2.458.737 đồng, lãi phạt trên lãi quá hạn 4.203.514 đồng và không tiếp tục thanh toán theo hợp đồng từ sau ngày 08/8/2019 cho đến nay. Tính đến hết ngày 09/02/2023, ông D, bà L còn nợ Ngân hàng 2.140.788.050 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.127.403.189 đồng, nợ lãi 910.351.338 đồng (lãi trong hạn 250.521.010 đồng, lãi quá hạn 659.830.328 đồng), nợ lãi chậm trả lãi (lãi phạt) 103.033.523 đồng.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1] Về trách nhiệm trả nợ vay:

Do ông D, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D, bà L trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông D, bà L trả cho Ngân hàng nợ vốn 1.127.403.189 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09/02/2023 là 910.351.338 đồng, trong đó, lãi trong hạn 250.521.010 đồng, lãi quá hạn đối với số nợ gốc là 659.830.328 đồng, lãi phạt trên lãi quá hạn 103.033.523 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 447/0047/17/TN-

TH/HĐTD ngày 26/4/2017 kể từ ngày 10/02/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 447/0047/17/TN-TH/TCOTO ngày 26/4/2017 với tài sản thế chấp là ô tô đầu kéo nhãn hiệu International, xe đã qua sử dụng, số khung 3HSDJSJR8DN197183, số máy 125HM2Y4152263, biển số 67C-077.74 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005603 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 và ô tô đầu kéo nhãn hiệu International, xe đã qua sử dụng, số khung 3HSDJSJR3DN277334, số máy 125HM2Y4154621, biển số 67C-078.93 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005607 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 cho ông Nguyễn Ngọc D đứng tên chủ sở hữu.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp xe ô tô trên được ký kết với Ngân hàng nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông D, bà L với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp xe ô tô được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được đăng ký bằng văn bản Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số 1247357217 ngày 28/4/2017 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực bảo đảm cho nghĩa vụ của ông D, bà L tại Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu International, biển số 67C-077.74 và 67C-078.93 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005603, 005607 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 (toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị đầu tư tăng lên của ô tô đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp); Ngân hàng xác định 02 xe ô tô này do ông D, bà L đang quản lý, sử dụng, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà L giao xe để xử lý thu hồi nợ. Quá trình tố tụng, ông D, bà L đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D, bà L về tình trạng 02 xe ô tô trên.

Trường hợp ông D, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299, 301 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về phương thức thanh toán:

Ông D yêu cầu Ngân hàng giảm số tiền lãi phải trả và đồng ý tắt toán số tiền 1.500.000.000 đồng, chia làm 05 kỳ thanh toán, mỗi kỳ là 03 tháng cho Ngân hàng. Tuy nhiên, yêu cầu của ông D không được phía nguyên đơn chấp nhận nên phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho NH TMCP XD P là 74.815.761 đồng.

NH TMCP XD P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho NH TMCP XD P số tiền tạm ứng án phí 33.443.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 299, 301, 323, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NH TMCP XD P.

Buộc ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L trả cho NH TMCP XD P số tiền 2.140.788.050 (*hai tỷ, một trăm bốn mươi triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, không trăm năm mươi*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (10/02/2023) cho đến khi trả hết nợ, ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L phải tiếp tục thanh toán cho NH TMCP XD P khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 447/0047/17/TN-TH/HĐTD ngày 26/4/2017.

2. Trường hợp ông Nguyễn Ngọc D, bà Huỳnh Thúy L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì NH TMCP XD P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu International, biển số 67C-077.74 và 67C-078.93 theo giấy đăng ký xe ô tô số 005603, 005607 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh An Giang cấp ngày 24/4/2017 (toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị đầu tư tăng lên của ô tô đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp) tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 447/0047/17/TN-TH/TCOTO ngày 26/4/2017 theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc D và bà Huỳnh Thúy L phải chịu 74.815.761 (*bảy mươi bốn triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi một*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NH TMCP XD P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho NH TMCP XD P số tiền tạm ứng án phí 33.443.000 (*ba mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng mà NH TMCP XD P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0007320 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên cấp ngày 17 tháng 6 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, NH TMCP XD P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, bà Huỳnh Thúy L được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung